

CỤC THUẾ BÌNH THUẬN
Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả
Số:.....
Ngày nhận: 2.3.09

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008*

*đã được kiểm toán*



**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 18

5068  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
VỤ TƯ VẤN  
NH KẾ  
KIỂM TOÁN  
TIA NA  
P. HỒ

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2008 của Công ty là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 282 Nguyễn Hội, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH May Phú Long. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/02/2007 thì trụ sở Công ty TNHH May Phú Long đặt tại Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận. Vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng do Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết góp 100%.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị Công ty**

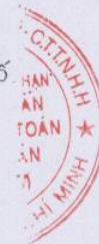
Ông	Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quốc Bình	Phó Chủ tịch
Ông	Phạm Thu	Thành viên
Ông	Đỗ Nguyễn Thy Linh	Thành Viên
Bà	Nguyễn Thị Phụng	Thành Viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông	Huỳnh Văn Nghi	Tổng Giám đốc
Ông	Đỗ Nguyễn Thy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Huỳnh Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).



## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính Hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 03 tháng 01 năm 2009

**TM BAN GIÁM ĐỐC**

**Tổng Giám đốc**



**HUỲNH VĂN NGHI**





Số 57/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính 2008 kết thúc vào ngày 31/12/2008  
của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được lập ngày 03 tháng 01 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính Hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính Hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần May Phan Thiết** tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 23 tháng 2 năm 2009

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**

Kiểm Toán Viên



**ĐỖ KHẮC THANH**  
Chứng chỉ KTV số Đ0064/KTV

**NGUYỄN VŨ**  
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>11.505.955.391</b>	<b>11.751.271.704</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.144.554.624</b>	<b>876.433.965</b>
1. Tiền	111	V.01	2.144.554.624	876.433.965
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	2.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.071.073.166</b>	<b>6.524.094.399</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.650.229.747	6.493.253.618
2. Trả trước cho người bán	132		357.513.604	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	63.329.815	30.840.781
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.000.160.500</b>	<b>1.497.138.454</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.000.160.500	1.497.138.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>290.167.101</b>	<b>2.853.604.886</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		269.948.564	220.930.491
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	465.281.418
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	20.218.537	2.167.392.977
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>29.125.275.470</b>	<b>25.615.506.472</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.222.997.268</b>	<b>25.548.268.998</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	21.456.081.847	4.387.490.802
- Nguyên giá	222		36.625.743.844	15.914.707.347
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.169.661.997)	(11.527.216.545)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	6.766.915.421	2.868.381.600
- Nguyên giá	228		7.021.251.392	3.009.035.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(254.335.971)	(140.653.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	-	18.292.396.596
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	20.000.000	30.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>882.278.202</b>	<b>37.237.474</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		882.278.202	37.237.474
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>40.631.230.861</b>	<b>37.366.778.176</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>23.469.086.608</b>	<b>21.053.630.673</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.161.378.339</b>	<b>6.442.378.682</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	1.892.175.849
2. Phải trả người bán	312		973.393.257	1.594.615.503
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	183.727.429	27.027.644
5. Phải trả người lao động	315	V.12	4.788.795.305	2.426.745.558
6. Chi phí phải trả	316		59.672.847	183.667.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	155.789.501	318.147.128
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.307.708.269</b>	<b>14.611.251.991</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	16.994.649.412	14.331.996.445
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		313.058.857	279.255.546
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>17.162.144.253</b>	<b>16.313.147.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>17.403.600.653</b>	<b>16.318.743.570</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.165.400.000	15.165.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.700.000	2.700.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		591.701.647	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.700.000	14.700.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.629.099.006	1.135.943.570
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(241.456.400)</b>	<b>(5.596.067)</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(241.456.400)	(5.596.067)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>40.631.230.861</b>	<b>37.366.778.176</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ		46.996,53	7.132,14

Ngày 03 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

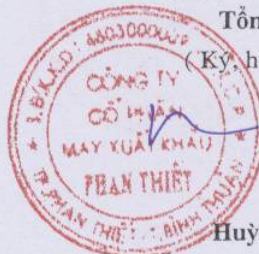
Thái Ngọc

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngô Thị Nam

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Nghi

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	64.778.183.516	42.784.673.648
Trong đó: Doanh thu gia công			31.653.229.757	18.925.714.168
Doanh thu xuất khẩu trực tiếp			32.996.806.242	23.412.551.838
Doanh thu hàng nội địa			128.147.517	4.846.088
Doanh thu bán hàng hóa			-	441.561.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		64.778.183.516	42.784.673.648
4. Giá vốn hàng bán	11		55.179.942.910	37.383.917.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.598.240.606	5.400.756.049
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	524.813.381	154.429.898
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	2.801.318.153	470.473.244
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.480.117.278	434.904.841
8. Chi phí bán hàng	24		287.981.407	1.453.950.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.581.385.655	1.276.901.215
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.452.368.772	2.353.861.435
11. Thu nhập khác	31	VI.19	235.534.838	100.209.394
12. Chi phí khác	32	VI.20	17.075.312	4.448.357
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		218.459.526	95.761.037
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.670.828.298	2.449.622.472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	758.219.293	237.462.247
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.912.609.005	2.212.160.225
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.22	2.619	1.543

05066  
 NG T  
 NIỆM H  
 VỤ T  
 I NH K  
 KIỂM T  
 HIA NA  
 P. HỒ

Ngày 03 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám Đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Thái Ngọc

Ngô Thị Nam

Huỳnh Văn Nghi



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		4.670.828.298	2.449.622.472
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		3.756.127.623	1.688.070.397
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		59.656.382	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(684.024.981)	(56.329.005)
- Chi phí lãi vay	6		2.480.117.278	434.904.841
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		10.282.704.600	4.516.268.705
- (Tặng), giảm các khoản phải thu	9		3.065.477.091	2.168.977.228
- (Tặng), giảm hàng tồn kho	10		496.977.954	74.574.496
- Tặng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.550.622.746	510.487.541
- (Tặng), giảm chi phí trả trước	12		(894.058.801)	(64.601.649)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.480.117.278)	(434.904.841)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(727.433.226)	(95.978.793)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.432.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(589.360.451)	(2.552.799.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.707.244.635	4.122.023.658
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.420.855.893)	(17.467.631.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		159.211.600	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		684.024.981	56.329.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.567.619.312)	(17.411.302.595)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.981.533.997	43.887.511.965
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.211.056.879)	(29.898.659.221)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.578.118.000)	(1.368.692.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.807.640.882)	12.620.160.744
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.331.984.441	(669.118.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		872.226.565	1.541.344.758
A. Hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(59.656.382)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.23	2.144.554.624	872.226.565



Ngày 03 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

*Thái Ngọc*

Thái Ngọc

Kế toán trưởng

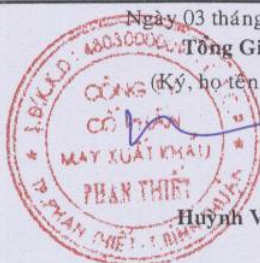
(Ký, họ tên)

*Ngô Thị Nam*

Ngô Thị Nam

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huyền Văn Nghi

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, thay đổi Giấy phép Chứng nhận đăng ký lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2008 của Công ty là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 200 Nguyễn Hội, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH May Phú Long. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/02/2007 thì trụ sở Công ty TNHH May Phú Long đặt tại Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận. Vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng do Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết góp 100%.

<b>Tổng số Công ty con</b>	<b>01 công ty</b>
- Số lượng các công ty con được hợp nhất	: 01 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất	: 0 công ty

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



### 3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### **Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	49 năm

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

#### **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

200 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

### 7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 282 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	66.604.699	5.211.482
- Tiền gửi ngân hàng ( a )	2.077.949.925	871.222.483
<b>Cộng</b>	<b>2.144.554.624</b>	<b>876.433.965</b>

( a ) Tiền gửi ngân hàng đến ngày 31/12/2008 bao gồm:

	Gốc Ngoại tệ	VND
- Ngân hàng Công thương Bình Thuận (VND)		1.200.051.151
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận (VND)		80.004.730
- Ngân hàng Công thương Bình Thuận (USD)	46.996,53 USD #	797.894.044

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền Gửi tiết kiệm ngắn hạn tại Ngân hàng Công Thương CN Bình Thuận	2.000.000.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	63.329.815	30.840.781

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	939.586.876	1.497.138.454
- Công cụ, dụng cụ	60.573.624	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.160.500</b>	<b>1.497.138.454</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	20.218.537	50.634.507
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.116.758.470
<b>Cộng</b>	<b>20.218.537</b>	<b>2.167.392.977</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
1- Số dư đầu năm	4.880.488.402	10.611.970.303	217.493.991	204.754.651	15.914.707.347
2- Số tăng trong năm	9.788.851.000	10.211.416.809	668.684.633	42.084.055	20.711.036.497
3- Thanh lý	-	-	-	-	-
4- Số dư cuối năm	14.669.339.402	20.823.387.112	886.178.624	246.838.706	36.625.743.844
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1- Số dư đầu năm	3.369.687.024	7.888.197.332	152.245.795	117.086.394	11.527.216.545
2- Khấu hao trong năm	907.365.406	2.569.611.174	128.150.476	37.318.396	3.642.445.452
3- Thanh lý	-	-	-	-	-
4- Số dư cuối năm	4.277.052.430	10.457.808.506	280.396.271	154.404.790	15.169.661.997
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
1- Tại ngày đầu năm	1.510.801.378	2.723.772.971	65.248.196	87.668.257	4.387.490.802
2- Tại ngày cuối năm	10.392.286.972	10.365.578.606	605.782.353	92.433.916	21.456.081.847

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 282 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

- Theo hợp đồng thế chấp số 07190006 ngày 27/02/2007 ký với Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.861.234.665 đồng

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất Phú Long	Quyền sử dụng đất - VPĐD (*)	Quyền sử dụng đất công ty	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1- Số dư đầu năm	-	-	1.653.225.000	1.355.810.400	3.009.035.400
2- Số tăng trong năm	23.000.000	3.989.215.992	-	-	4.012.215.992
3- Giảm khác	-	-	-	-	-
4- Số dư cuối năm	23.000.000	3.989.215.992	1.653.225.000	1.355.810.400	7.021.251.392
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1- Số dư đầu năm	-	-	-	140.653.800	140.653.800
2- Khấu hao trong năm	4.600.000	81.412.571	-	27.669.600	113.682.171
3- Giảm khác	-	-	-	-	-
4- Số dư cuối năm	4.600.000	81.412.571	-	168.323.400	254.335.971
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1- Tại ngày đầu năm	-	-	1.653.225.000	1.215.156.600	2.868.381.600
2- Tại ngày cuối năm	18.400.000	3.907.803.421	1.653.225.000	1.187.487.000	6.766.915.421

(\*) Quyền sử dụng đất - VPĐD là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Công trình dự án Phú Long  
Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
-	18.292.396.596
-	18.292.396.596

**9. Đầu tư dài hạn khác**

- Trái phiếu Chính phủ  
Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
20.000.000	30.000.000
20.000.000	30.000.000,00

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

- Vay ngân hàng

Số cuối năm	Số đầu năm
-	1.892.175.849

Ghi chú: Đây là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 07190006/HĐTD ngày 27/02/2007. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; lãi suất (VND) 11,4%/năm, lãi suất (USD) 7%/năm; hạn mức cho vay là 26 tỷ đồng.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng  
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp  
- Thuế thu nhập cá nhân  
Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
117.139.485	-
66.150.750	27.027.644
437.194	-
183.727.429	27.027.644

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế quyết toán theo quy định. Sau khi có quyết toán của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 282 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

**12. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lương phải trả	4.788.795.305	2.426.745.558

**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	67.869.307	192.819.018
- Kinh phí công đoàn	73.620.101	55.191.360
- Phải trả về cổ phần hóa	3.188.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	11.112.093	70.136.750
<b>Cộng</b>	<b>155.789.501</b>	<b>318.147.128</b>

**14. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận (*)	16.994.649.412	14.331.996.445

Đây là khoản vay dài hạn của Công ty CP May Xuất Khẩu Phan Thiết với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận theo hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 04/2007/HỆTD ngày 05/10/2007. Số tiền vay tối đa là 17.500.000.000 đồng; thời gian cho vay là 84 tháng; lãi suất 8,4%/năm.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	5.182.000.000	2.700.000	14.700.000	-	6.463.116.709	11.662.516.709
- Tăng vốn trong năm trước	9.983.400.000				(5.432.000.000)	4.551.400.000
- Chia cổ tức					(1.368.692.000)	(1.368.692.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(800.000.000)	(800.000.000)
- Lãi trong năm trước					2.212.160.225	2.212.160.225
- Thuế TNDN năm trước miễn nộp					61.358.636	61.358.636
- Số dư cuối năm trước	15.165.400.000	2.700.000	14.700.000	-	1.135.943.570	16.318.743.570
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm nay	15.165.400.000	2.700.000	14.700.000	-	1.135.943.570	16.318.743.570
- Chia cổ tức năm 2007					(303.308.000)	(303.308.000)
- Chi cho lao động nữ sau khi sinh					(8.700.000)	(8.700.000)
- Lãi trong năm trước					55.232.965	55.232.965
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(296.166.887)	(296.166.887)
- Lợi nhuận tăng trong năm					3.912.609.005	3.912.609.005
- Trích quỹ đầu tư phát triển				591.701.647	(591.701.647)	-
- Chia cổ tức năm 2008					(2.274.810.000)	(2.274.810.000)
Số dư cuối năm nay	15.165.400.000	2.700.000	14.700.000	591.701.647	1.629.099.006	17.403.600.653



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 282 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	15.165.400.000	15.165.400.000
<b>Cộng</b>	<b>15.165.400.000</b>	<b>15.165.400.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

<b>+ Vốn chủ sở hữu</b>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp đầu năm	15.165.400.000	5.182.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	9.983.400.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	<b>15.165.400.000</b>	<b>15.165.400.000</b>
<b>+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>2.274.810.000</b>	<b>1.213.232.000</b>

**d) Cổ tức**

+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	15%	10%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		

**e) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.516.540</b>	<b>1.516.540</b>
<b>+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.516.540</b>	<b>1.516.540</b>
- Cổ phiếu phổ thông	1.516.540	1.516.540
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	1.516.540	1.516.540
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/cp

**f) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ dự phòng tài chính	14.700.000	14.700.000
- Quỹ đầu tư phát triển	591.701.647	-

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>16. Doanh thu</b>		
- Doanh thu gia công	31.653.229.757	18.925.714.168
- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp	32.996.806.242	23.412.551.838
- Doanh thu hàng nội địa	128.147.517	4.846.088
- Doanh thu bán hàng hóa	-	441.561.554
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.778.183.516</b>	<b>42.784.673.648</b>
<b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	524.813.381	56.329.005
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	98.100.893
<b>Cộng</b>	<b>524.813.381</b>	<b>154.429.898</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Số 282 Nguyễn Hội - Tp. Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận

	Năm nay	Năm trước
<b>18. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	2.480.117.278	452.817.041
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.656.382	
- Chi phí tài chính khác	261.544.493	17.656.203
<b>Cộng</b>	<b>2.801.318.153</b>	<b>470.473.244</b>
<b>19. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm	159.211.600	88.969.641
- Điều chỉnh tăng thu nhập do trích thừa chi phí phải trả	-	10.919.955
- Thu nhập khác	76.323.238	319.798
<b>Cộng</b>	<b>235.534.838</b>	<b>100.209.394</b>
<b>20. Chi phí khác</b>		
- Tiền nộp phạt	9.258.888	3.448.357
- Chi phí khác	7.816.424	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.075.312</b>	<b>4.448.357</b>
<b>21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	758.219.293	237.462.247
<b>22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.912.609.005	2.212.160.225
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.656.382	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.516.540	1.438.345
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.619	1.543

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất**

23. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. Những thông tin khác**

**Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

Ngày 03 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

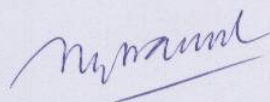
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Thái Ngọc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Thị Nam

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Nghi